

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	7,333,636,653	6,761,442,554	92.198
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	278,000,000	403,007,000	144.97
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	993,200,000	295,998,901	29.80
3	Thu bổ sung	5,445,654,000	5,445,654,000	100.00
	- Thu bổ sung cân đối	4,328,354,000	4,328,354,000	100.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1,117,300,000	1,117,300,000	100.00
4	Thu chuyển nguồn	616,782,653	616,782,653	
II	TỔNG SỐ CHI	5,599,554,000	3,774,301,995	67.40
1	Chi đầu tư phát triển	750,000,000		
2	Chi thường xuyên	4,719,026,000	3,774,301,995	79.98
3	Dự phòng	130,528,000		0.00

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	7,333,636,653	7,333,636,653	6,761,442,554	6,761,442,554	92.20	92.198
I	Các khoản thu 100%	278,000,000	278,000,000	403,007,000	403,007,000	144.97	144.97
	Phí, lệ phí	33,000,000	33,000,000	33,795,000	33,795,000	102.41	102.41
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	150,000,000	150,000,000	247,550,000	247,550,000	165.03	165.03
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				0		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				0		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định				0		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định				0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				0		
	Thu khác	95,000,000	95,000,000	121,662,000	121,662,000	128.07	128.07
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	993,200,000	993,200,000	295,998,901	295,998,901	29.80	29.80
1	Các khoản thu phân chia	890,000,000	890,000,000	151,918,225	151,918,225	17.07	17.07
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	76,000,000	76,000,000	118,815,525	118,815,525	156.34	156.34
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0		0		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	14,000,000	14,000,000	16,450,000	16,450,000	117.50	117.50
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	50,000,000	50,000,000	16,652,700	16,652,700	33.31	33.31
	- Thu tiền đất được nhà nước giao	750,000,000	750,000,000		0	0.00	0.00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	103,200,000	103,200,000	144,080,676	144,080,676	139.61	139.61
	- Thuế TNCN	34,400,000	34,400,000	55,707,623	55,707,623	161.94	161.94
	- Thuế GTGT hộ cá thể	68,800,000	68,800,000	88,373,053	88,373,053	128.45	128.45
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	616,782,653	616,782,653	616,782,653	616,782,653	100.00	100.00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,445,654,000	5,445,654,000	5,445,654,000	5,445,654,000	100.00	100.00
	- Thu bổ sung cân đối	4,328,354,000	4,328,354,000	4,328,354,000	4,328,354,000	100.00	100.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1,117,300,000	1,117,300,000	1,117,300,000	1,117,300,000	100.00	100.00

